

Phụ lục 01
THÔNG BÁO NHẬP DỰ TOÁN TRÊN HỆ THỐNG TABMIS NGUỒN THU TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT THÁNG 5 (ĐỢT 01)
(Kèm theo Công văn số 3960/STC-ĐTĐT ngày 17/5/2026 của Sở Tài chính)

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Tên dự án	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã dự án	Mã ngành	Kế hoạch vốn 2026 từ nguồn thu sử dụng đất	Kế hoạch vốn 2026 từ nguồn thu sử dụng đất sau khi tiết kiệm 5%	Lũy kế số vốn CĐT đề xuất nhập đến 15/5/2026	Số vốn đã nhập Tabmis	Số vốn nhập đợt này	Ghi chú
	Tổng cộng				504.460	479.237	155.539	99.023	56.516	
I	Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh				12.000	11.400	4.652	1.636	3.016	
1	Khu dân cư, công viên, hồ điều hòa và quảng trường huyện Tư Nghĩa	Phòng nghiệp vụ 2, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2111)	7838339	285	10.000	9.500	2.755	306	2.449	Công văn số 1735/TTQĐ-TCKH ngày 08/5/2026
2	Khu dân cư Vườn Quán, xã Đức Thanh	Phòng nghiệp vụ 2, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2111)	7986486	338	2.000	1.900	1.897	1.330	567	
II	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				39.000	37.050	16.000	11.000	5.000	
1	Kè sạt lở bờ tả sông Phước Giang (Đoạn từ Đập Suối Lớn đến cầu Long Mai)	Phòng giao dịch số 20, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2117)	8071361	283	19.000	18.050	1.700	0	1.700	Công văn số 1405/BQLDDCN-TC ngày 13/5/2026
2	Nâng cấp, sửa chữa các tuyến đường BTXM và hệ thống thoát nước trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi	Phòng nghiệp vụ 2, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2111)	8033132	292	15.000	14.250	12.300	11.000	1.300	
3	Nghĩa Trang nhân dân thành phố Quảng Ngãi	Phòng nghiệp vụ 2, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2111)	7975819	398	5.000	4.750	2.000	0	2.000	
III	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông tỉnh				376.000	357.200	127.550	86.387	41.163	
1	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi	Phòng nghiệp vụ 2, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2111)	7922805	292	330.000	313.500	115.000	80.000	35.000	Công văn số 1148/BQL-KHĐT ngày 21/4/2026
2	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh An và xã Tịnh Long, thành phố Quảng Ngãi	Phòng nghiệp vụ 2, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2111)	8028502	285	16.000	15.200	8.300	6.387	1.913	
3	Đầu tư xây dựng kè chống sạt lở kết hợp tạo quỹ đất bờ Bắc sông Trà Khúc, đoạn qua xã Tịnh Long và xã Tịnh Khê, thành phố Quảng Ngãi	Phòng nghiệp vụ 2, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2111)	8018457	285	5.000	4.750	2.250	0	2.250	

STT	Tên dự án	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã dự án	Mã ngành	Kế hoạch vốn 2026 từ nguồn thu sử dụng đất	Kế hoạch vốn 2026 từ nguồn thu sử dụng đất sau khi tiết kiệm 5%	Lũy kế số vốn CĐT đề xuất nhập đến 15/5/2026	Số vốn đã nhập Tabmis	Số vốn nhập đợt này	Ghi chú
4	Đường tránh Tây thị trấn Di Lăng	Phòng giao dịch số 18, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2115)	7934705	292	25.000	23.750	2.000	0	2.000	Công văn số 42/BQLDA ngày 08/5/2026
IV	Ban Quản lý KKT Dung Quất và các KCN Quảng Ngãi				75.000	71.250	5.000	0	5.000	
1	Chỉnh trang đô thị, tạo quỹ đất để thực hiện quy hoạch Khu công nghiệp Sao Mai	Phòng giao dịch số 23, Kho bạc nhà nước khu vực XV (2117)	7782222	312	75.000	71.250	5.000	0	5.000	Công văn số 1563/BQL-KTTH ngày 21/4/2026
V	UBND xã Đắk Tô				960	912	912	0	912	
	Trường Trung học cơ sở Lương Thế Vinh; Hạng mục: Nhà hiệu bộ và hạng mục phụ trợ	Phòng giao dịch số 26, Kho bạc nhà nước khu vực XV	Hỗ trợ có mục tiêu		960	912	912	0	912	Báo cáo số 194/BQL-KTTH ngày 16/4/2026
VI	UBND xã Long Phụng				1.500	1.425	1.425	0	1.425	
1	Vùng sản xuất nông nghiệp Bốn Mẫu và Mẫu Trại	Phòng giao dịch số 19, Kho bạc nhà nước khu vực XV	Hỗ trợ có mục tiêu		1.500	1.425	1.425	0	1.425	Công văn số 671/UBND-KT ngày 12/5/2026

Phụ lục 02
THÔNG BÁO NHẬP DỰ TOÁN TRÊN HỆ THỐNG TABMIS NGUỒN THU XỔ SỔ KIẾN THIẾT THÁNG 5 (ĐỢT 1)
(Kèm theo Công văn số 3960/STC-ĐTĐT ngày 17/5/2026 của Sở Tài chính tỉnh Quảng Ngãi)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm mở tài khoản của dự án	Mã số dự án	Mã ngành kinh tế	Kế hoạch vốn 2026 từ nguồn thu xổ số kiến thiết	Kế hoạch vốn 2026 từ nguồn thu xổ số kiến thiết sau khi tiết kiệm 5%	Lũy kế số vốn CĐT đề xuất nhập đến 15/5/2026	Số vốn đã nhập Tabmis	Số vốn nhập đợt này	Ghi chú
	Tổng cộng				197.000	187.150	132.196	93.196	39.000	
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				147.000	139.650	84.696	58.696	26.000	
1	Đầu tư sửa chữa, cải tạo, nâng cấp xây dựng cơ sở vật chất và mua sắm trang thiết bị y tế của ngành Y tế	Phòng nghiệp vụ 2, KBNN khu vực XV (2111)	8040128	132	102.000	96.900	75.996	55.996	20.000	Công văn số 1405/BQLDDCN-TC ngày 13/5/2026
2	Đầu tư nâng cấp các Trường Mầm non trên địa bàn thành phố	Phòng nghiệp vụ 2, KBNN khu vực XV (2111)	8094548	071	15.000	14.250	4.700	2.700	2.000	
3	Đầu tư, nâng cấp các Trường Tiểu học trên địa bàn thành phố	Phòng nghiệp vụ 2, KBNN khu vực XV (2111)	7975820	072	30.000	28.500	4.000	0	4.000	
II	Sở Y tế				50.000	47.500	47.500	34.500	13.000	
1	Nâng cấp bệnh viện Đa khoa tỉnh Kon Tum từ bệnh viện hạng II lên bệnh viện hạng I quy mô 750 giường (giai đoạn 2)	Phòng nghiệp vụ 2, KBNN khu vực XV (2111)	7925428	132	50.000	47.500	47.500	34.500	13.000	Công văn số 120/SYT-KHTC ngày 09/01/2026